

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG VHT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG VHT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108098368

**3. Ngày thành lập:** 18/12/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 2 ngõ 1144/130 đường Quang Trung, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0906091278

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết : Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh | 4752     |
| 2.  | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện<br>Chi tiết : Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; Sản xuất sản phẩm từ lâm sản (trừ gỗ), cói và vật liệu tết bện                                                                                                                                                                                                                                                             | 1629     |
| 3.  | Sản xuất sắt, thép, gang                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2410     |
| 4.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4321     |
| 5.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4322     |
| 6.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết : Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như: Các nhà máy lọc dầu, Các xưởng hoá chất, Xây dựng công trình cửa như: Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống...Đập và đê. Xây dựng đường hầm ; Các công việc xây dựng khác không phải nhà như: Các công trình thể thao ngoài trời.                                                                             | 4290     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                     |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 7.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết : Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, vécni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim | 4663(Chính) |
| 8.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết : Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn đồ dùng bằng nhôm, nhựa                                                       | 4649        |
| 9.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết : Bán buôn sắt, thép, nhôm                                                                                                                                                                                                          | 4662        |
| 10. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                                                                                                                                       | 3100        |
| 11. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                             | 1622        |
| 12. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                      | 4933        |
| 13. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết : Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch                                                                                       | 4932        |
| 14. | Cho thuê xe có động cơ<br>Chi tiết : Cho thuê ô tô                                                                                                                                                                                                                                  | 7710        |
| 15. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác<br>Chi tiết : Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng ( kể cả máy vi tính);                                                                      | 7730        |
| 16. | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết : Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt; Bán buôn thủy sản; Bán buôn rau, quả; Bán buôn cà phê; Bán buôn chè; Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột                                   | 4632        |
| 17. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết : Bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt; Bán lẻ thủy sản; Bán lẻ rau, quả; Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột                                         | 4722        |
| 18. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                 | 4651        |
| 19. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                              | 4741        |
| 20. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4312        |
| 21. | Sản xuất bao bì bằng gỗ                                                                                                                                                                                                                                                             | 1623        |
| 22. | Bán buôn gạo                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4631        |
| 23. | Cung ứng lao động tạm thời                                                                                                                                                                                                                                                          | 7820        |
| 24. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                  | 4652        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 25. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                   | 4759 |
| 26. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4210 |
| 27. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4220 |
| 28. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4330 |
| 29. | Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 1610 |
| 30. | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác<br>Chi tiết : Sản xuất gỗ lạng, ván mỏng và các loại ván, tấm mỏng bằng gỗ tương tự; Sản xuất gỗ mảnh hoặc gỗ thớ; Sản xuất gỗ dán mỏng, gỗ trang trí ván mỏng.                                                                                                                                                                                                                                                                             | 1621 |
| 31. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4100 |
| 32. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4311 |
| 33. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết : Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng ; Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như : Thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống hút bụi, hệ thống âm thanh, hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí. | 4329 |
| 34. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác<br>Chi tiết : Xây dựng nền móng của toà nhà, gồm đóng cọc, Xây dựng bể bơi ngoài trời                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4390 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

### 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: HÀ MẠNH VĨNH

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 01/01/1977

Dân tộc: Tày

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 019077000115

Ngày cấp: 20/01/2016

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Xuân Sen, Xã Thủy Xuân Tiên, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Xuân Sen, Xã Thủy Xuân Tiên, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

Thời gian đăng từ ngày 18/12/2017 đến ngày 17/01/2018

\* Họ và tên: HÀ MẠNH VĨNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 01/01/1977

Dân tộc: Tày

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 019077000115

Ngày cấp: 20/01/2016

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Xuân Sen, Xã Thủy Xuân Tiên, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Xuân Sen, Xã Thủy Xuân Tiên, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội